

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1247 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 1695/STNMT-CCBVMT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh do Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh làm Chủ dự án (đại diện Chủ dự án là Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Tánh Linh) và Công văn số 2407/STNMT-CCBVMT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 210/TTr-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh làm Chủ dự án (đại diện Chủ dự án là Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Tánh Linh) (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các xã: Đức Phú, Nghị Đức thuộc huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng

01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Hải);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện Tánh Linh;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Tánh Linh;
- UBND các xã: Đức Phú, Nghị Đức;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh

(Kèm theo Quyết định số: 1247 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Cải tạo kênh tiêu Suối Chùa (T4-2), huyện Tánh Linh.
- Địa điểm thực hiện dự án: Các xã (Đức Phú, Nghị Đức) thuộc huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh.
- Đại diện Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Tánh Linh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi, quy mô, công suất:
 - + Phạm vi: Điểm đầu dự án tại vị trí cầu qua kênh suối Chùa (vị trí giao cắt giữa kênh suối Chùa và tuyến đường số 6 - ĐTT thuộc thôn 3, xã Nghị Đức) và điểm kết thúc dự án là điểm nhập lưu vào suối Đa Rim.
 - Diện tích sử dụng đất: Khoảng 14,101 ha, trong đó diện tích cần thu hồi khoảng 6,112 ha (trong đó có 54.305 m² đất lúa, gồm xã Nghị Đức cần thu hồi đất lúa là 50 m² và xã Đức Phú là 54.255 m²); phần diện tích còn lại nằm trong phạm vi công trình hiện trạng và đất do nhà nước quản lý.
- Quy mô dự án:
 - + Phần kênh: Chiều dài L = 5.121 m (từ K0 ÷ K5+ 121,0m). Kênh đất, mặt cắt hình thang với hệ số mái m=1,5; kích thước mặt cắt ngang BxH = (4,0 x 2,7)m ÷ (14,0 x 2,7)m.
 - + Phần công trình trên kênh: Cải tạo nâng cấp 01 công trình và làm mới 02 công trình trên kênh, trong đó: 02 cầu qua kênh kết hợp cầu máng; 01 cầu máng qua kênh và 01 cầu qua kênh kết hợp điều tiết.
 - + Bờ kênh kết hợp làm đường quản lý, vận hành: từ K0-K1+755,65m tận dụng tuyến đường hiện hữu có sẵn; Đoạn từ K1+755,65m - K4+768m tận dụng tuyến đường hiện hữu phía phải không xây dựng đường dọc bờ kênh, phía trái bờ kênh rộng 2,0m; Đoạn từ K4+768 - K5+121(KC) xây dựng đường bờ kênh kết hợp quản lý phía phải rộng 5,0m; phía trái bờ kênh rộng 2,0 m.

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Dự án thực hiện với mục tiêu xây dựng hệ thống kênh tưới hoàn chỉnh, sau đó Ban Quản lý Đầu tư xây dựng huyện Tánh Linh bàn giao cho

địa phương là xã Nghị Đức và xã Đức Phú để quản lý và vận hành. Do đó, đối với loại hình này không có công nghệ sản xuất.

- Loại hình dự án: Thủy lợi.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

1.4.1. Các hạng mục công trình chính:

a) Phần kênh:

Kênh tiêu Suối Chùa có kích thước mặt cắt lớn, chỉ đoạn đầu tuyến có chiều dài khoảng 370 m nằm trong khu dân cư (*thuộc thôn 3, xã Nghị Đức*), đoạn tuyến còn lại nằm trên cánh đồng canh tác đất lúa. Căn cứ vào điều kiện thực tế và nguồn vốn của dự án thì chỉ cần nạo vét mở rộng để đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ nhưng vẫn sử dụng kết cấu kênh đất như hiện trạng, chỉ kiên cố các công trình trên tuyến làm mới, các vị trí thực sự cần thiết gây ảnh hưởng đến sự ổn định của các công trình hiện trạng như điểm đầu nối với thượng lưu công trình bê tông hiện có,...

Chiều dài $L=5.121$ m (*từ K0 ÷ K5+ 121,0m*). Kênh đất, mặt cắt hình thang với hệ số mái $m=1,5$; kích thước mặt cắt ngang $B \times H = (4,0 \times 2,7)m \div (14,0 \times 2,7) m$.

b) Phần các công trình trên kênh:

- Làm mới 02 công trình trên kênh bao gồm: Làm mới cầu máng kết hợp cầu qua kênh tại K3+426,0m; Làm mới cầu qua kênh tại K3+952,0 m.

- Cải tạo nâng cấp 01 công trình đập Đức Phú tại K1+490,40m.

- Còn lại 12 công trình trên kênh tận dụng hiện trạng sẵn có.

c) Phần đường quản lý:

Hiện tại, một số đoạn kênh đã có đường quản lý kết hợp giao thông nội đồng bằng sỏi đỏ, khi thi công sẽ nạo vét mở rộng về phía không có đường. Những đoạn kênh chưa có đường quản lý sẽ được mở rộng làm đường quản lý kết hợp thi công bằng đất và sau này sẽ sử dụng làm đường giao thông nội đồng.

Tuyến đường quản lý được bố trí dọc theo hai bờ trái, phải tuyến kênh; từ K0-K1+755,65m tận dụng tuyến đường hiện hữu có sẵn; Đoạn từ K1+755,65m - K4+768m tận dụng tuyến đường hiện hữu: phía phải không xây dựng đường dọc bờ kênh, phía trái bờ kênh rộng 2,0 m. Thực hiện thi công làm mới đường quản lý, cụ thể là: Bờ phải, bờ trái làm mới đường quản lý từ K4+768m ÷ K5+ 121m, chiều dài $L=353$ m, kết cấu đất đắp đầm chặt, bề rộng mặt đường phía phải bờ kênh rộng 5,0 m; phía trái bờ kênh rộng 2 m.

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a) Hạng mục lán trại và bãi tập kết nguyên vật liệu xây dựng:

Trong quá trình thi công Chủ dự án bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng và lán trại có diện tích khoảng 250 m² (trong đó lán trại 50 m², bãi tập kết 200 m²). Để đảm bảo khoảng cách thi công an toàn trong quá trình vận chuyển bãi tập kết đến vị trí thi công, đồng thời không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của người dân, chủ dự án bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng và lán trại tạm tại vị trí bãi đổ thải số 1 (có tổng diện tích 2.350m²) nằm tuyến kênh, đoạn K4 +768,0 m.

b) Hạng mục bãi đổ thải chất nạo vét: Dự án bố trí 03 vị trí bãi thải đồ vật chất nạo vét với tổng khối lượng đổ thải của 03 vị trí nêu trên khoảng 91.110 m³, bao gồm:

- Vị trí 01:

+ Tại vị trí K4+821,72 phía bên bờ phải tuyến kênh.

+ Diện tích: 2.350 m².

+ Chiều cao đổ dự kiến: 1,8 m.

+ Tổng khối lượng dự kiến: 4.230 m³.

- Vị trí 02:

+ Tại vị trí K4+959,18 – K5+39,36 phía bên bờ phải tuyến kênh.

+ Diện tích: 6.500m².

+ Chiều cao đổ dự kiến: 1,8 m.

+ Tổng khối lượng dự kiến: 11.700 m³.

- Vị trí 03:

+ Tại vị trí cuối tuyến kênh.

+ Diện tích: 35.800m².

+ Chiều cao đổ dự kiến: 2,1 m.

+ Tổng khối lượng dự kiến: 75.180 m³.

c) Hạng mục cấp điện: Vị trí dự án cách xa khu cấp điện lưới quốc gia, do đó quá trình thi công, chủ dự án sử dụng nguồn điện từ máy phát điện dự phòng để phục vụ thi công.

d) Hạng mục cấp nước:

Nước dùng để cho công nhân uống chứa trong các bình 20 lít, được mua tại các tiệm tạp hóa gần khu vực dự án. Đối với nước phục vụ các hoạt động thi công và nước phục vụ sinh hoạt của công nhân, Chủ Dự án phối hợp

với đơn vị thi công mua nước sạch từ hệ thống cấp nước địa phương và chứa trong bồn chứa nước có dung tích 5,0 m³ đặt tại khu vực đang thi công để phục vụ cho các nhu cầu sử dụng nước hàng ngày.

Đối với nước dùng hoạt động thi công xây dựng các cầu qua kênh và cống tiêu, tưới đường giảm thiểu bụi,.. Chủ dự án sử dụng nguồn nước từ kênh tiêu sẵn có để sử dụng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các tác động liên quan đến chất thải:

+ Hoạt động phát quang cây cỏ, bụi rậm, tháo dỡ các công trình cũ để xây mới trên kênh.

+ Hoạt động san lấp mặt bằng.

+ Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, vận chuyển chất nạo vét.

+ Xây dựng các cống tiêu, cầu qua kênh của dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường.

- Các tác động không liên quan đến chất thải:

+ Ô nhiễm tiếng ồn, rung từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công trên công trường.

+ Tác động đến giao thông khu vực.

+ Tác động đến môi trường do quá trình chiếm dụng đất, giải phóng mặt bằng.

+ Tác động về kinh tế xã hội.

+ Các sự cố môi trường.

2.2. Giai đoạn vận hành:

Dự án có nhiệm vụ tiêu thoát lũ chống ngập úng. Đường bờ kênh làm nhiệm vụ kết nối hệ thống giao thông trong vùng nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển nông sản, giao thương hàng hóa của người dân. Tuy nhiên, giai đoạn này cũng có một số tác động không liên quan đến chất thải như: Sự cố sạt lở, xói mòn, hiện tượng bồi lắng, tác động từ bãi tập kết sau nạo vét.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:*

+ Nước thải sinh hoạt: Quy mô nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường khoảng 50 công nhân, ước tính nước thải phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày đêm. TÍNH CHẤT nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các tạp chất hữu cơ như: BOD₅, COD, Amoni, Nitrat, vi khuẩn, dầu mỡ động thực vật,...

+ Nước thải xây dựng: Quy mô nước thải xây dựng: nước sử dụng phục vụ xây dựng như: Trộn bê tông, nước đầm nền bảo dưỡng mặt đường,... ước tính ngày lớn nhất khoảng 5 m³/ngày sử dụng cho trộn hồ, vữa (*tùy thuộc vào từng công đoạn thi công, có sử dụng nước hay không và nhiều hay ít*).

+ Nước mưa chảy tràn: Quy mô nước mưa chảy tràn phát sinh tại dự án khoảng 43,66 l/s. Nước mưa chảy tràn qua khu vực mặt bằng thi công công trình, khu vực tạm chứa vật liệu thi công, khu vực tạm chứa chất nạo vét cuốn theo các vật chất, các đất đá bờ rời, các muối khoáng trên bề mặt, dầu mỡ bị rò rỉ... làm tăng hàm lượng các chất lơ lửng, các chất hữu cơ, tăng độ đục, dầu mỡ, gây ra tác động xấu đến hệ sinh thái thủy sinh của nguồn nước tiếp nhận.

- *Giai đoạn vận hành:* Không phát sinh.

3.1.2. Khí thải, bụi:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:*

+ Bụi trong quá trình phá dỡ các công trình cũ (*cụm điều tiết tại vị trí giao cắt với Kênh chính Bắc trạm bơm Đức Phú; cầu thô sơ qua kênh; cống qua đường*); từ quá trình phát quang cỏ, bụi rậm.

+ Bụi phát sinh do hoạt động san lấp công trình gây ô nhiễm không khí xung quanh khu vực.

+ Bụi, khí thải từ quá trình thi công công trình trên kênh.

+ Bụi và các chất khí SO₂, NO₂, CO, do khói thải của phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển vật liệu nạo vét.

- *Giai đoạn vận hành:* Không phát sinh.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là nilon, chai lọ, hộp giấy, vỏ hộp cơm, thức ăn thừa,..., phát sinh khoảng 40 kg/ngày.

+ Chất thải rắn phát quang: Phát sinh chủ yếu lượng lớn chất thải rắn là cành cây, lá, thảm thực vật,... ước tính khoảng 12,2 tấn.

+ **Chất thải rắn xây dựng:** Quá trình triển khai xây dựng tại khu vực đang thi công, khu vực lán trại làm phát sinh: gạch vỡ, gỗ vụn, bao bì đựng vật liệu,... ước tính toàn bộ khối lượng phát sinh khoảng 100kg/ ngày.

+ **Chất thải rắn do tháo dỡ lán trại khi kết thúc thi công:** Sau khi kết thúc dự án, Chủ dự án tiến hành tháo dỡ các hạng mục lán trại. Khối lượng chất thải rắn do hoạt động tháo dỡ ước tính khoảng 20kg. Nếu không thu gom xử lý đúng quy định có thể gây ra ô nhiễm nguồn nước mặt của kênh, nước ngầm tại khu vực Dự án.

- *Giai đoạn vận hành:* Không phát sinh.

3.2.3. Chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng bao gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải bỏ từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thi công, bóng đèn huỳnh quang. Ước tính lượng chất thải nguy hại trung bình khoảng 15,5 kg/năm.

- *Giai đoạn vận hành:* Không phát sinh.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Khi xây dựng dự án, tiếng ồn phát sinh chủ yếu do vận hành sử dụng máy móc thiết bị thi công cơ giới (máy ủi, máy xúc,...) và các phương tiện vận tải chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho công tác thi công. Đây là nguồn gây ồn chủ yếu và đáng lưu tâm. Mức ồn gây ra của các thiết bị thi công khá cao.

- *Giai đoạn vận hành:* Không phát sinh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Nước thải:

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) **Đối với nước thải sinh hoạt:** Phát sinh từ quá trình rửa tay chân, vệ sinh của công nhân phát sinh được thu gom bằng nhà vệ sinh di động. Trường hợp nhà vệ sinh di động đầy thì Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

b) **Nước thải xây dựng:** Trong quá trình xây dựng, lượng nước sử dụng phục vụ xây dựng như trộn bê tông, nước đầm nền mặt đường,... ước tính lượng nước sử dụng ngày lớn nhất 5 m³/ngày sử dụng cho trộn hồ, vữa (tùy thuộc vào từng công đoạn thi công, có sử dụng nước hay không và nhiều hay ít). Nước thải xây dựng ngấm vào vật liệu xây dựng nên không phát sinh ra ngoài.

c) **Nước mưa chảy tràn:**

- Sau khi san nền xong tiến hành ngay công tác đào mương thoát nước để định hướng dòng chảy, hạn chế xảy ra trôi trượt, xói mòn đất.

- Tăng cường vệ sinh công trường, che phủ các bãi vật liệu, bãi thải, các kho nhiên liệu, xăng dầu tránh không cho thấm thấu theo nước mưa xuống các tầng nước dưới đất.

- Vật liệu được đặt ở kho chứa vật tư tại khu vực dự án, để không bị nước mưa chảy tràn chảy qua khu vực trên cuốn theo gây dòng nước.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành: Không thực hiện.

4.1.2. Khí thải, bụi:

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) Giảm thiểu bụi khí thải do phát quang, tháo dỡ, san lấp mặt bằng:

- Trong quá trình thi công Chủ dự án tiến hành theo đúng tiêu chuẩn quy định, thực hiện kiểm soát độ ẩm thường xuyên liên tục theo quy trình để làm giảm bụi phát tán vào không khí.

- Tiến hành phun nước giữ ẩm bề mặt để hạn chế cuốn bụi phát tán vào không khí. Biện pháp phun nước giữ ẩm phải được áp dụng triệt để tại các vị trí khu đông dân cư (chủ yếu tập trung ở điểm đầu tuyến kênh), tần suất phun nước tối thiểu 02 lần/ngày và tăng tần suất tưới vào những ngày nắng nóng và gió lớn. Phương tiện tưới sử dụng xe bồn có sức chứa 5 m³ nước, sau đó được bơm tưới thông qua hệ thống giàn phun sương được đặt ngang với đuôi xe. Áp dụng tiêu chuẩn TCXDVN 33: 2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, áp dụng nhu cầu sử dụng nước cho tưới bồn hoa và thảm cỏ là 0,5 lít/m².

b) Giảm thiểu bụi đất phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, chất nạo vét ra khỏi khu vực dự án:

- Phun nước làm ẩm trên các tuyến đường phục vụ Dự án, trong những ngày khô hanh và có gió mạnh phun nước tăng cường tần suất tưới. Với tần suất tối thiểu là 02 lần/ngày.

- Vật liệu chuyên chở được làm ẩm để tăng cường hiệu quả giảm bụi.

- Xe chuyên chở đúng trọng tải và có che phủ trong quá trình di chuyển.

c) Bụi, khí thải trong hoạt động thi công:

- Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt kín thùng xe trong quá trình vận chuyển để giảm phát thải bụi trên quãng đường di chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển khi đi ra công trường được vệ sinh sạch sẽ bằng cách quét sạch lượng bụi, đất bám trên xe nhằm tránh vương vãi ra đường.

- Khi bóc dỡ nguyên vật liệu, công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe của công nhân.

- Hằng ngày tổ chức vệ sinh, dọn dẹp công trường vào cuối giờ làm việc, bảo đảm cho công trường luôn được gọn gàng.

- Treo bảng hiệu tuyên truyền, cảnh báo như: “An toàn là trên hết”, “Khu vực thi công nguy hiểm” tại nơi dễ quan sát như: Cổng công trình, bên trong công trình,....

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành: Không thực hiện.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Lập nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.

- Tất cả rác sinh hoạt của công nhân phát sinh tại từng khu vực của Dự án được thu gom và tập trung vào thùng chứa có dung tích từ 20 lít có nắp đậy tại khu vực công trường. Yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi.

- Đơn vị thi công trang bị mỗi khu vực 2 thùng chứa rác có nắp đậy bố trí tại các điểm thuận tiện nhất cho việc thu gom.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương đến thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Chất thải rắn xây dựng:

- Tận dụng triệt để các loại phế liệu xây dựng phục vụ cho chính hoạt động xây dựng.

- Đối với chất thải như cát, sỏi, gạch vỡ thừa,...thường xuyên được thu gom đưa về nơi tập kết vật liệu, bãi tạm của khu vực thi công và tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

- Chủ dự án kết hợp với đơn vị thi công có các quy định trong công trường để giữ gìn vệ sinh khu vực xây dựng. Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, không gây ảnh hưởng đến giao thông hoặc đến sản xuất của khu vực xung quanh. Không xả rác bừa bãi, hàng ngày thu gom tập kết và xử lý rác thải xây dựng, vỏ bao bì tránh gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Các loại có thể tái sử dụng khác như coffa, sắt, thép vụn nếu không sử dụng được ngay trong thi công thì bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

c) Chất thải rắn phát quang:

Lượng sinh khối thu được từ quá trình phát quang một phần được Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần còn lại không sử dụng được sẽ tập kết và tiến hành đốt bỏ. Quá trình đốt diễn ra

trong ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát nhằm tránh tình trạng cháy lan ra xung quanh.

d) Chất thải từ hoạt động tháo dỡ lán trại: Chủ Dự án tiến hành thu gom và bán các vật liệu, cấu kiện thừa, phế thải cho các cơ sở kinh doanh phế liệu. Trường hợp, các chất thải rắn như sắt, thép, tôn còn nguyên vẹn, không hư hỏng, có thể tái sử dụng lại phục vụ công tác thi công các công trình tại địa phương.

e) Chất thải nguy hại:

- Hạn chế việc sửa chữa xe, máy tại công trường (*chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố*); thu gom 100% lượng dầu mỡ thải và giặt lau, bóng đèn huỳnh quang phát sinh trong giai đoạn xây dựng này vào các thùng chứa chất thải nguy hại và có dán nhãn mã số chất thải cho từng loại chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án.

- Vị trí của thùng chứa rác thải nguy hại được chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m², có mái che kín nắng, mưa, bảo đảm kín khí, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Chủ dự án ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định.

4.2.2. Giai đoạn vận hành: Không thực hiện.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí thi công xây dựng hợp lý để hạn chế tiếng ồn cộng hưởng làm tăng mức ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công cơ giới tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.

- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.

- Trang bị các thiết bị chống ồn như nút bịt tai,...cho công nhân xây dựng khi thi công gần các nguồn phát sinh độ ồn cao.

4.4. Các công trình, biện pháp khác:

4.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) Biện pháp giảm thiểu những ảnh hưởng từ việc đền bù, giải tỏa:

Ủy ban nhân dân xã Đức Phú và Ủy ban nhân dân xã Nghị Đức phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan tiến hành tuyên truyền và vận động để nhân dân hiểu rõ và quán triệt tốt mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng công trình. Phối hợp cùng với đơn vị thực hiện Dự án tiến hành bồi thường tham gia kiểm kê, tổ chức xác định tính pháp lý và các vấn đề liên quan đến công tác bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội:

- Lập nội quy và xử lý nghiêm khắc đối với công nhân viên, người lao động làm ảnh hưởng xấu tới quá trình xây dựng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương về việc quản lý tình hình an ninh trật tự tại dự án phòng ngừa khi xảy ra sự cố.

c) Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông:

- Thông báo thời gian thi công và các quy định đối với người và phương tiện qua lại công trường.

- Nhà thầu thi công áp dụng các biện pháp thi công cuốn chiếu, thi công đoạn nào dứt điểm đoạn đấy.

- Không để vật liệu tràn lan gây cản trở giao thông, mất an toàn và gây ô nhiễm môi trường.

- Các xe máy móc thi công phải có đầy đủ thiết bị an toàn, khi hết ca làm việc xe máy, thiết bị phục vụ thi công phải được tập kết vào bãi.

- Hạn chế tốc độ của người và phương tiện qua lại thi công.

d) Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động:

- Lập ban an toàn lao động và bảo vệ môi trường tại công trường.

- Quy định các nội quy làm việc tại công trường, bao gồm nội quy ra, vào làm việc tại công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động.

- Tổ chức theo dõi tai nạn lao động, xác định kịp thời nguyên nhân tai nạn và áp dụng các biện pháp khắc phục kịp thời.

- Lắp đặt các biển cấm người qua lại tại các khu vực đang thi công xây dựng.

e) Biện pháp giảm thiểu sự cố xói mòn, sạt lở kênh khi mưa lũ:

- Thực hiện san gạt địa hình cho bằng phẳng, gia cố bờ kênh vững chắc, tuân thủ theo nguyên tắc xây dựng.

- Khi mưa lớn, cần đào rãnh thu gom nước mưa tạm thời nhằm làm giảm áp lực dòng chảy, chống xói mòn, sạt lở bờ kênh đang thi công.

4.4.2. Giai đoạn vận hành:

a) Biện pháp duy tu, bảo dưỡng tuyến kênh tránh sạt lở, xói mòn:

- Nội dung công tác duy tu thường xuyên như sau:

- + Dọn sạch bờ kênh, mái kênh, lòng kênh, vớt hết rác rưởi, đất đá làm cản dòng nước chảy trong kênh, dọn rác trước lưới chắn của xi phông hoặc cầu máng, trước cửa cống, trước các công trình trên kênh mà nếu không thực hiện sẽ ảnh hưởng ngay đến việc tiêu thoát nước.

- + Sửa chữa những chỗ bị thấm lậu, sạt sứt gây mất nước trên kênh.
- Lau chùi và tra dầu mỡ vào các thiết bị cơ khí, thiết bị quản lý đảm bảo những vị trí cần dầu mỡ luôn ướt.

- + Cọ rửa sạch sẽ cánh cửa cống, các bộ phận công trình bị rêu, rác bám.

b) Biện pháp giảm thiểu từ bãi tập kết tạm vật chất nạo vét:

- Đào rãnh xung quanh bãi thải nhằm thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt bãi tập kết vật chất nạo vét, sau đó đưa thu gom về bể lắng để lắng các tạp chất lơ lửng có trong nước trước khi thải ra môi trường. Kích thước bể lắng dài x rộng x sâu = 5,0 m x 2,0m x 1,5m.

- Trồng cỏ trên bề mặt bãi thải tạm nhằm hạn chế tác động đến môi trường không khí (đặc biệt là bụi), hạn chế xói lở vào mùa mưa.

- Chính quyền địa phương có trách nhiệm bảo vệ vật chất nạo vét nêu trên cho đến khi có đơn vị trúng đấu giá cấp quyền tận thu vật chất nạo vét nhằm ngăn chặn tình trạng trộm cắp, vận chuyển vật chất nạo vét trái phép ra khỏi bãi thải tạm. Địa phương bố trí nhân sự để hàng tuần hoặc hàng ngày có trách nhiệm giám sát, trông nom.

c) Phương án bảo vệ, sử dụng tầng đất mặt của đất lúa:

- Trước khi triển khai thi công, Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã (xã Nghị Đức, xã Đức Phú) tiến hành lập phương án sử dụng tầng lớp đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác để gửi cùng hồ sơ xin phép chuyển mục đích sử dụng đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa phải ghi đầy đủ thông tin, mục đích, diện tích đề nghị chuyển đổi, diện tích xây dựng công trình phải bóc tách, lượng đất mặt phải bóc tách.

- Lớp đất mặt được bóc tách phải có độ sâu 20 đến 25 cm tính từ mặt đất hiện trạng và chỉ sử dụng vào mục đích nông nghiệp trong và ngoài khuôn viên dự án (cải tạo đất để trồng cây).

- Sau khi phương án sử dụng tầng lớp mặt được chấp thuận, Chủ dự án gửi 01 bản phương án sử dụng tầng lớp mặt về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện.

- Bên cạnh đó, chủ dự án phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã có trách nhiệm bảo vệ lớp đất mặt được bóc tách.

- Hướng dẫn cho các hộ dân trên địa bàn xã có nhu cầu sử dụng lớp đất mặt được bóc tách nêu trên để cải tạo, san lấp phục vụ trồng cây thì phải có đơn đề nghị và Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận vào đơn đề nghị của hộ dân.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

a) Giám sát không khí:

- Thông số chọn lọc: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió.

- Địa điểm giám sát: 01 điểm tại khu vực đang triển khai thi công.

- Tần số lấy mẫu: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc.

b) Giám sát nước mặt kênh tiêu:

- Thông số chọn lọc: pH, độ đục, DO, BOD, COD, TSS, Amoni, NO₂⁻, NO₃⁻ Phosphat, Cl⁻ dầu mỡ, Coliforms.

- Địa điểm giám sát: 01 điểm tại hạ lưu khu vực đang nạo vét.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B₁: sử dụng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự.

c) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chủ dự án cam kết thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 66 và khoản 1 Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Cụ thể:

+ Thường xuyên thống kê, phân loại, theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng trong giai đoạn xây dựng.

+ Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật đánh giá và ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT 10/01/2022

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

d) Giám sát khác:

- Giám sát an toàn lao động: Kiểm tra chất lượng môi trường, điều kiện làm việc tại công trường; tính đầy đủ, an toàn của các trang thiết bị bảo hộ lao động,... Tần suất thực hiện liên tục trong quá trình xây dựng.

- Giám sát sự cố, rủi ro: Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố sạt lở, xói mòn bờ kênh và đáy kênh trong suốt quá trình thi công. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Giám sát công tác thi công, đổ chất thải nạo vét: Chủ dự án cam kết thực hiện các công tác giám sát nạo vét theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, cụ thể như sau:

+ Giám sát chặt chẽ phương tiện thi công nạo vét đảm bảo thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình.

+ Giám sát thi công nạo vét bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát sự cố, rủi ro: Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố sạt lở, xói mòn bờ kênh và đáy kênh, giám sát hoạt động các công trình trên kênh trong suốt quá trình vận hành, nhất là thời điểm mưa lũ. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

- Giám sát bãi đổ thải tạm: Cử cán bộ túc trực, giám sát bãi đổ thải tạm, tránh khuếch tán bụi nhiều và bảo vệ nạn cấp từ người dân. Tần suất thực hiện: Hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Điều tiết lượng xe ra vào khu vực hợp lý, không tập trung vào giờ cao điểm; tuyên truyền ý thức về an toàn giao thông cho người điều khiển phương tiện.

- Tổ chức thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn...; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân.

- Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của dự án.
- Thực hiện các biện pháp phòng, chống sự cố cháy nổ và an toàn vệ sinh lao động do các cơ quan chức năng quy định./.